TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 108 /2024/QĐST-HNGĐ	Sơn Trà, ngày 04 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ các điều 212, 213 và 397 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 98/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông M BERTRAND, sinh năm 1986

Địa chỉ thường trú: 8 Rue Tattersall 79000 Niort, Pháp; Chỗ ở hiện nay: K211/52 đường Nguyễn Văn Th, phường Ph, quận S, thành phố Đà Nẵng

Người phiên dịch cho ông M BERTRAND: Bà Nguyễn Phạm Minh H. Sinh năm: 1987. Nơi làm việc: Cộng tác viên Công ty TNHH tư vấn và dịch thuật A2Z

- Bà Lê Hồng L, sinh năm 1987

Địa chỉ thường trú: Thôn Phú Mỹ K, xã Tr, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Trị; Chỗ ở hiện nay: K211/52 đường Nguyễn Văn Th, phường Ph, quận S, thành phố Đà Nẵng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông M BERTRAND và bà Lê Hồng L kết hôn với nhau vào năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2016, ngày 30 tháng 8 năm 2016). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng sống tại thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian chung sống thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc nhưng từ sau dịch Covid 19 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng ngôn ngữ, không có tiếng nói chung và các mâu thuẫn về tài chính. Dù hai bên đã rất cố gắng hòa giải nhưng không thành. Ông M BERTRAND và bà Lê Hồng L sống không hạnh phúc và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Xét, mâu thuẫn giữa ông M BERTRAND và bà Lê Hồng L đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống không hạnh phúc nên cả hai tự nguyện thuận tình ly hôn. Do vậy, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông M BERTRAND và bà Lê Hồng L là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung*: Ông M BERTRAND và bà Lê Hồng L xác định có 01 con chung tên LÊ BERTRAND LUCIEN T, sinh ngày 15/11/2015. Thuận tình ly hôn ông M BERTRAND và bà Lê Hồng L thống nhất thỏa thuận về việc nuôi con chung như sau:

Bà Lê Hồng L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên LÊ BERTRAND LUCIEN T, sinh ngày 15/11/2015 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông M BERTRAND không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông M BERTRAND và bà Lê Hồng L tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của ông bà.

[3] *Về tài sản chung:* Ông M BERTRAND và bà Lê Hồng L xác định không có tài sản chung.

[4] *Về nợ chung:* Ông M BERTRAND và bà Lê Hồng L xác định không có nợ chung.

[5] *Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Ông M BERTRAND và bà Lê Hồng L mỗi người phải chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi ngàn đồng).*

Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 27 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông M BERTRAND và bà Lê Hồng L. *(Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2016, do Ủy ban nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị cấp cho ông M BERTRAND và bà Lê Hồng L ngày 30 tháng 8 năm 2016 không còn giá trị pháp lý).*

- *Về con chung:* Bà Lê Hồng L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên LÊ BERTRAND LUCIEN T, sinh ngày 15/11/2015 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông M BERTRAND không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung

- *Về tài sản chung:* Không có.

- *Về nợ chung:* Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm ông M BERTRAND và bà Lê Hồng L mỗi người phải chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)*. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* ông M BERTRAND và bà Lê Hồng L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0002565 ngày 21/5/2024.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- *VKSND quận Sơn Trà;*
- *Chi cục THADS quận Sơn Trà;*
- *UBND huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

Nguyễn Quốc Vũ